

**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**  
**Giáo viên soạn: Phan Thị Tuyết**  
**Lớp dạy: 11/6, 7, 8.**  
**Thời gian thực hiện: Tuần 32, 33**

**Tiết 64, 65, 66**

## **BÀI 27: SINH SẢN VÔ TÍNH Ở ĐỘNG VẬT**

**I. MỤC TIÊU:** Sau khi hoàn thành chủ đề, HS có khả năng

### **1. Kiến thức**

- Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật.
- Các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật.
- Quá trình sinh sản hữu tính ở động vật
- Cơ chế điều hòa sinh sản ở động vật.
- Ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật và sinh đẻ có kế hoạch ở người.
- Một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm.
- Các biện pháp tránh thai.

### **2. Năng lực**

#### **a. Năng lực sinh học**

##### **\* Năng lực nhận thức sinh học:**

- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật.
- Phân biệt được các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật.
- Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở động vật
- Phân tích được cơ chế điều hòa sinh sản ở động vật.
- Trình bày được một số ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật và sinh đẻ có kế hoạch ở người.
- Nêu được một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm.
- Trình bày được các biện pháp tránh thai.

**\* Năng lực tìm hiểu thế giới sống:** Đặt ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề sinh sản ở động vật.

**\* Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Thiết kế được một số sản phẩm (poster/inphographic,...) để tuyên truyền các biện pháp tránh thai và hạn chế nạo phá thai ở tuổi vị thành niên.

#### **b. Năng lực chung**

- **Năng lực tự chủ và tự học:** HS luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết tự ghi chép và ghi nhớ kiến thức một cách chính xác và hiệu quả.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Năng lực trình bày suy nghĩ/ý tưởng; hợp tác; quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm, trong hoạt động nhóm.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn dựa trên các kiến thức đã học.

### **3. Phẩm chất**

- **Nhân ái:** Yêu quý mọi người, quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với bạn bè trong nhóm hợp tác.

- **Chăm chỉ:** Tích cực nghiên cứu tài liệu, thường xuyên theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

- **Trung thực:** Có tinh thần tự giác trong học tập, trung thực, tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.

- **Trách nhiệm:** Có tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong hoạt động nhóm; thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của cá nhân trong nhóm.

## II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Tranh ảnh trong bài 27 SGK

- Video, hình ảnh liên quan.

- Các phiếu học tập.

### 2. Học sinh

- Giấy bìa khổ A1, A4; bút lông, bút màu,...

- Máy tính xách tay (nếu có)

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### TIẾT 1: SINH SẢN VÔ TÍNH (mục I)

#### Hoạt động 1: Khởi động

##### a. Mục tiêu

- Tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

##### b. Nội dung

- Hoạt động nhóm, quan sát hình, trả lời câu hỏi.

##### c. Sản phẩm

1. Tên các ĐV trong hình: ong mật, sao biển, giun dẹp, thủy tức, giun đất.

2. Ong mật, sao biển, giun dẹp, thủy tức

3. Các đặc điểm chung: 1,2,4.

##### d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của giáo viên.  | Hoạt động của học sinh.      |
|---|------------------------------|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>   |                              |
| <p>GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (tùy theo)</p> <p>1) GV chiếu lần lượt các hình ảnh ong mật, sao biển, giun dẹp, thủy tức, giun đất.<br/>HS ghi tên ĐV vào giấy A4 và dán lên bảng khi hết giờ (Thời gian 10 giây cho mỗi hình ảnh)</p> <p>2) GV chiếu hình toàn bộ các SV đó và có đánh số thứ tự. Yêu cầu HS chọn những SV có chung hình thức sinh sản.<br/>HS ghi số thứ tự ứng với từng ĐV vào giấy A4 và dán lên bảng khi hết giờ (Thời gian 30 giây)</p> <p>3) Sinh sản của ong mật, sao biển, giun dẹp, thủy tức có những đặc điểm gì chung?</p> | <p>HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> |

|  |   |
|--|---|
| GV chiếu lần lượt các gợi ý (đánh số các gợi ý), mỗi dòng xuất hiện rồi biến mất:<br>1) Sinh sản vô tính<br>2) Không có sự kết hợp giao tử đực và giao tử cái<br>3) Có sự kết hợp 3 quá trình: Nguyên phân, Giảm phân và Thụ tinh.<br>4) Cơ thể con được hình thành từ 1 tế bào hoặc 1 phần của cơ thể mẹ<br>HS lựa chọn các gợi ý ghi vào giấy A4 và dán lên bảng khi GV chiếu hết gợi ý. |   |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>  |   |
| GV theo dõi hoạt động của hs   | HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động nhóm, thảo luận, ghi ra phiếu. |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>   |   |
| GV theo dõi, đôn đốc các nhóm  | HS các nhóm dán phiếu lên bảng.                                 |
| <b>Kết luận, nhận định</b>   |   |
| GV đánh giá các nhóm, nhận xét và kết luận.  | Lắng nghe nhận xét và kết luận của GV                           |

## Hoạt động 2: Tìm hiểu các hình thức sinh sản vô tính

### I. Sinh sản vô tính

#### a. Mục tiêu

- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật.

#### b. Nội dung

GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, kết hợp thảo luận nhóm để tổ chức cho HS phân biệt các hình thức sinh sản vô tính động vật.

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Quan sát video, hình ảnh phân biệt các hình thức sinh sản vô tính ở động vật

| Các hình thức | Phân đôi | Nảy chồi | Phân mảnh | Trinh sinh |
|---------------|----------|----------|-----------|------------|
| Đại diện      |          |          |           |            |
| Diễn biến     |          |          |           |            |

2. Tại sao trong sinh sản vô tính ở động vật, các cá thể con giống nhau và giống cá thể mẹ về đặc điểm di truyền?

#### c. Sản phẩm

Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật

(Đáp án phiếu học tập)

#### d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của giáo viên.   | Hoạt động của học sinh. |
|--|-------------------------|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>  |                         |
| - GV: Chia lớp thành 4 nhóm, thành viên trong mỗi nhóm được đánh số từ 1- 4.<br>- Vòng 1: Giao việc cho nhóm chuyên gia: | Hs tiếp nhận nhiệm vụ   |

|   |   |
|---|---|
| Nhóm 1: Phân đôi; Nhóm 2: Nảy chồi;<br>Nhóm 3: Phân mảnh; Nhóm 4: Trinh sinh.<br>- Vòng 2: Thành lập nhóm mảnh ghép: HS có cùng số thứ tự về 1 nhóm và chia sẻ cho nhau nghe nội dung đã nghiên cứu. Hoàn thành các nội dung còn lại của PHT. |   |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>   |   |
| - GV yêu cầu các nhóm HS tìm hiểu thông tin trong SGK, video, hình ảnh trong điện thoại, máy tính xách tay để hoàn thành nội dung được phân công.<br>Gv theo dõi hoạt động của hs, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.                             | HS đọc sgk, quan sát hình ảnh thảo luận nhóm để hoàn thành PHT ở nội dung được phân công.<br>- Sau 5 phút, các nhóm tách ra, ghép nhóm mới, chia sẻ cho nhau nội dung đã nghiên cứu trong thời gian 10 phút.<br>- Cả nhóm hoàn thành nội dung PHT |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>  |   |
| - Với mỗi hình thức sinh sản, GV bốc thăm 1 nhóm lên báo cáo  | - Đại diện các nhóm học sinh báo cáo kết quả hoạt động theo từng hình thức sinh sản được GV chỉ định.<br>- Nhận xét, bổ sung.   |
| <b>Kết luận, nhận định</b>  |   |
| GV nhận xét hoạt động và nội dung trình bày của HS và đưa ra đáp án chính xác, rồi tiểu kết.<br>HS các nhóm đánh giá chéo, GV đánh giá, tổng kết hoạt động.   | - Lắng nghe nhận xét và kết luận của GV<br>- Hoàn thiện nội dung trong vở ghi   |

| <b>GV kết luận</b>   |                                |   |  |  |
|----------------------|--------------------------------|---|--|--|
| <b>Các hình thức</b> | <b>Phân đôi</b>                | <b>Nảy chồi</b>   | <b>Phân mảnh</b>   | <b>Trinh sinh</b>  |
| <b>Đối tượng</b>     | Ruột khoang ( hải quỳ, san hô) | Bọt biển, Ruột khoang,...   | Bọt biển, Giun dẹp, sao biển,...   | Chân đốt: ong, kiến, rệp, mối  |
| <b>Diễn biến</b>     | Cá thể mẹ phân đôi => 2 cá thể | Cá thể mẹ → chồi bắt đầu nhô ra → chồi phát triển → tách ra khỏi cơ thể mẹ để tạo cơ thể mới. | Từ những mảnh nhỏ, tách ra từ cơ thể mẹ tiến hành nguyên phân hình thành cơ thể mới. | - Tế bào trứng không được thụ tinh phát triển thành cá thể mới có bộ nhiễm sắc thể đơn bội (n).<br>- Trinh sinh thường có sự xen kẽ với sinh sản hữu tính. |

2. Các cá thể con trong sinh sản vô tính giống hệt cá thể mẹ vì cơ thể mới tạo thành dựa trên cơ chế nguyên phân.

### **PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

| <b>Tiêu chí</b>   | <b>Nhóm 1</b> | <b>Nhóm 2</b> | <b>Nhóm 3</b> | <b>Nhóm 4</b> |
|---|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Nội dung kiến thức đầy đủ (8 điểm)<br>(Học sinh đánh giá) |               |               |               |               |
| Hoạt động nhóm tích cực (2 điểm)<br>(Giáo viên đánh giá)  |               |               |               |               |
| Tổng điểm (10 điểm)                                       |               |               |               |               |

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

#### **a. Mục tiêu**

- Củng cố kiến thức đã học.

#### **b. Nội dung**

- Hs các nhóm tham gia trò chơi “Hộp quà bí mật”

- HS tái hiện kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi TNKQ

**c. Sản phẩm:** đáp án các câu hỏi

**Câu 1:** Ở động vật có mấy hình thức sinh sản?

2

**Câu 2:** Cơ sở tế bào học của sinh sản vô tính ở động vật là?

Phân bào nguyên nhiễm

**Câu 3:** Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn giản nhất?

Phân đôi

**Câu 4:** Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ?

Trinh sinh

**Câu 5:** Ở ong, trứng không được thụ tinh phát triển thành

ong đực

#### **d. Tiến trình hoạt động**

| <b>Hoạt động của giáo viên.</b>   | <b>Hoạt động của học sinh.</b>          |
|---|---|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>   |   |
| - GV: Chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức trò chơi “Hộp quà bí mật”<br>- Các nhóm cùng tham gia trả lời câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được cộng 2 điểm, câu trả lời sai bị trừ 1 điểm. Nhóm nào nhiều điểm hơn sẽ về đích sớm hơn. | Hs tiếp nhận nhiệm vụ                   |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>   |   |
| - Gv chiếu lần lượt từng câu hỏi, yêu cầu HS các nhóm giơ bảng đáp án.  | HS hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.     |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>  |   |
| GV điều hành hoạt động  | HS giơ bảng đáp án.                     |
| <b>Kết luận, nhận định</b>  |   |
| GV tổng kết điểm  | - Lắng nghe nhận xét và kết luận của GV |

### **Hoạt động 4: Vận dụng**

#### **a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức nội dung Sinh để có kế hoạch để tuyên truyền các biện pháp tránh thai, tránh nạo phá thai ở tuổi vị thành niên.

**b. Nội dung:**

- HS hoạt động nhóm trong thời gian ngoài giờ trên lớp, ghi các thành tựu, minh họa, trang trí sản phẩm trên giấy A1.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức hoạt động:**

| Hoạt động của Giáo viên   | Hoạt động của Học sinh   |
|---|--|
| <b><i>Chuyển giao nhiệm vụ (trên lớp)</i></b>   |  |
| GV yêu cầu học sinh nêu một số thành tựu trong ứng dụng sinh sản vô tính ở động vật (làm ngoài giờ lên lớp) | Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  |
| <b><i>Thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)</i></b>  |  |
| Định hướng, giám sát  | - HS hoạt động nhóm tìm hiểu một số thành tựu trong ứng dụng sinh sản vô tính ở động vật |
| <b><i>Báo cáo, thảo luận</i></b>  |  |
| GV đôn đốc HS hoàn thành đúng thời gian quy định.   | Các nhóm đưa sản phẩm lên zalo hoặc đăng trên padlet (Sau 1 tuần)                        |
| <b><i>Kết luận, nhận định</i></b>   |  |
| GV đánh giá hoạt động nhóm, cho điểm.   | HS chú ý lắng nghe và phản biện (nếu có)   |

**II. SINH SẢN HỮU TÍNH Ở ĐỘNG VẬT**

**TIẾT 2:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

- Kích thích học sinh hứng thú tìm hiểu kiến thức mới; tạo được sự mâu thuẫn kiến thức giữa cái đã biết và cái chưa biết, kích thích tính tò mò tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:**

Hoạt động cá nhân: Học sinh hoàn thành phiếu học tập số 1.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án Phiếu học tập số 1

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Giáo viên   | Hoạt động của Học sinh      |
|---|-----------------------------|
| <b><i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></b>  |                             |
| GV chiếu video 1 về sự phân đôi ở trùng giày/ trùng amip; Video sự sinh sản ở ếch.<br>- Phát phiếu học tập số 1.<br>Yêu cầu học sinh chú ý theo dõi, kết hợp kiến thức đã học, làm việc cá nhân hoàn thành nội dung PHT số 1.<br>- Hình thức sinh sản ở ếch được gọi là hình thức sinh sản vô tính hay hữu tính?<br>- Trình bày khái niệm sinh sản hữu tính ở động vật. | Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ |

| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>   |  |                      |
|---|--|----------------------|
| Định hướng, giám sát  | - HS theo dõi video và thực hiện yêu cầu của giáo viên.  |                      |
| <b>Báo cáo, thảo luận</b>   |  |                      |
| GV thu 5 phiếu của 5 học sinh bất kỳ để chấm điểm và đánh giá điểm kiểm tra bài cũ.<br>Học sinh trình bày sản phẩm đáp án PHT số 1  | - Đại diện nhóm trả lời.<br>- Nhóm khác nghe và bổ sung. |                      |
| <b>Bước 4. Kết luận, nhận định:</b>   |  |                      |
| - Đưa đáp án PHT số 1<br>- Đáp án PHT số 1:   |  |                      |
| Nội dung  | Video phân đôi ở trùng giày                              | Video sinh sản ở ếch |
| 1. Cá thể mới được sinh ra từ 1 cơ thể mẹ   | x  |                      |
| 2. Có hình thành tinh trùng và trứng  |  | x                    |
| 3. Có sự thụ tinh   |  | x                    |
| 4. Cá thể mới giống nhau và giống với cá thể mẹ   | x  |                      |
| 5. Cá thể mới rất đa dạng về di truyền, có đặc điểm khác bố mẹ  |  | x                    |
| 6. Có giảm phân hình thành giao tử  |  | x                    |
| Sinh sản ở ếch được gọi là sinh sản hữu tính.<br>KN: Sinh sản hữu tính là kiểu sinh sản tạo ra cá thể mới qua hình thành và hợp nhất giao tử đơn bội đực và giao tử đơn bội cái để tạo ra hợp tử lưỡng bội, hợp tử phát triển thành cá thể mới. |  |                      |

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### 1. Tìm hiểu các hình thức sinh sản hữu tính

**a. Mục tiêu:** Phân biệt được các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật (thụ tinh trong, thụ tinh ngoài; đẻ trứng, đẻ con).

**b. Nội dung:** Hoạt động nhóm, quan sát tranh, video, nghiên cứu tài liệu học tập hoàn thành bài tập nhóm.

#### c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập số 2 và các câu trả lời của HS

#### d. Tổ chức thực hiện

| Hoạt động của giáo viên.  | Hoạt động của học sinh. |
|---|-------------------------|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>   |                         |
| - GV chia lớp thành 4 nhóm học tập.<br>- GV phát PHT số 2 kèm các thẻ bài để dán, trong đó có nội dung của PHT và các nội dung nhiều.<br>- Yêu cầu HS nghiên cứu SGK, tranh ảnh được GV cung cấp để dán các thẻ bài đó vào ô tương ứng. | HS tiếp nhận nhiệm vụ.  |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>   |                         |

|   |   |
|---|---|
| - GV giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ của HS.  | - HS nghiên cứu SGK, quan sát tranh, video, thảo luận nhóm và hoàn thành PHT              |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>  |   |
| - GV yêu cầu các nhóm trưng bày PHT trên bảng.<br>- GV chiếu đáp án nguồn, gọi đại diện các nhóm chấm chéo. | - Các nhóm trưng bày PHT trên bảng.<br>- Các nhóm thảo luận chấm chéo và báo cáo kết quả. |
| <b>Kết luận, nhận định</b>  |   |
| - Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, chính xác hóa các kiến thức.                            | - HS lắng nghe nhận xét và kết luận của GV  |

## Kết luận

### 1. Các hình thức sinh sản hữu tính: Đáp án PHT số 2

| Hình thức sinh sản          | Đẻ trứng  | Đẻ trứng thai (noãn thai sinh)  | Động vật đẻ con (thai sinh)   |
|-----------------------------|---|---|---|
| 1. Đại diện                 | Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú bậc thấp và nhiều loài động vật không xương sống  | Một số loài cá, một số loài bò sát, một số loài chân khớp   | Tất cả thú bậc cao  |
| 2. Đặc điểm phát triển phôi | - Trứng được thụ tinh ngoài hoặc thụ tinh trong tạo thành hợp tử, hợp tử phát triển thành phôi.<br>- Phôi phát triển trong trứng nhờ chất dinh dưỡng của noãn hoàng.<br>- Con cái đẻ trứng, con non nở ra từ trứng. | Trứng được thụ tinh thụ tinh trong tạo thành hợp tử trong cơ thể con cái. Hợp tử được phát triển trong ống dẫn trứng của con cái nhờ chất dinh dưỡng dự trữ trong noãn hoàng.<br>- Con non được mẹ đẻ ra. | Phôi phát triển trong cơ thể mẹ nhờ chất dinh dưỡng nhận từ mẹ qua nhau thai  |
| 3. Ưu điểm                  | Con cái không gặp khó khăn trong hoạt động sống<br>Trứng có vỏ bọc chống lại các tác nhân môi trường: nhiệt độ, ánh sáng, vsv...  | Phôi được bảo vệ tốt, tỉ lệ sống cao  | Chất dinh dưỡng nuôi phôi phong phú, nhiệt độ cơ thể mẹ phù hợp cho sự phát triển của phôi<br>Phôi thai được bảo vệ tốt, tỉ lệ sống cao             |
| 4. Hạn chế                  | Khi môi trường bất lợi phôi phát triển kém và tỉ lệ nở thấp.<br>Dễ bị các động vật khác sử dụng làm thức ăn   | Mang thai gây khó khăn trong các hoạt động sống.  | Mang thai gây khó khăn trong các hoạt động sống.<br>- Tiêu tốn năng lượng để nuôi dưỡng thai nhi<br>- Phôi phát triển phụ thuộc vào sức khỏe của mẹ |

### 2. Quá trình sinh sản hữu tính ở người.

- a. Mục tiêu:** Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở người): hình thành tinh trùng, trứng; thụ tinh tạo hợp tử; phát triển phôi thai; sự đẻ.
- b. Nội dung:** Quan sát tranh, video, nghiên cứu tài liệu học tập hoàn thành bài tập nhóm.
- c. Sản phẩm:** GV sử dụng PP trực quan, vấn đáp, kết hợp bài tập điền khuyết trong sơ đồ
- d. Tổ chức thực hiện**

| Hoạt động của giáo viên.   | Hoạt động của học sinh.  |
|--|--|
| <b>Chuyên giao nhiệm vụ</b>  |  |
| GV chiếu các hình ảnh:<br>Hình 27.3 Quá trình sinh sản hữu tính ở người (Hình câm);<br>Hình 27.4. Sơ đồ quá trình sinh tinh.<br>Hình 27.5. Sơ đồ quá trình sinh trứng.<br>Video và Hình 27.6. Quá trình thụ tinh hình thành giao tử và yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi:<br>1- Em hãy điền tên các giai đoạn sinh sản hữu tính vào các ô chữ nhật tương ứng<br>2- Trình bày quá trình sinh tinh và sinh trứng?<br>3- Quá trình thụ tinh diễn ra như thế nào?<br>4- Quá trình phát triển phôi thai diễn ra như thế nào?<br>- Giáo viên nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa các kiến thức và đặt các câu hỏi mở rộng.<br>? Cho biết ưu điểm và nhược điểm của mang thai và sinh con ở Thú so với đẻ trứng ở các loài động vật khác? | HS tiếp nhận nhiệm vụ.   |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>  |  |
| GV định hướng, giám sát  | - HS nghiên cứu SGK, quan sát tranh, video, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu của giáo viên. |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>   |  |
| GV gọi đại diện 1 số cặp đôi thuyết trình kết quả.   | - Đại diện từng cặp trả lời.<br>- Cặp đôi khác nghe và bổ sung.  |
| <b>Kết luận, nhận định</b>   |  |
| Gv kết luận  | - HS lắng nghe nhận xét và kết luận của GV   |

### **Kết luận**

#### **2. Quá trình sinh sản hữu tính ở người**

Gồm 4 giai đoạn kế tiếp nhau: Hình thành giao tử, thụ tinh, phát triển phôi thai và đẻ con.

##### **a. Hình thành tinh trùng và trứng**

\* Hình thành tinh trùng:

Tế bào mầm sinh dục (2n)  $\xrightarrow{NP}$  Tinh nguyên bào (2n)  $\xrightarrow{NP}$  Tinh bào bậc 1 (2n)  
 $\xrightarrow{GPI}$  Tinh bào bậc 2  $\xrightarrow{GPII}$  Tinh trùng (n)

\* Hình thành trứng:

Tế bào mầm sinh dục (2n)  $\xrightarrow{NP}$  Noãn nguyên bào (2n)  $\xrightarrow{NP}$  Noãn bào bậc 1 (2n)  
 $\xrightarrow{GPI}$   $\begin{cases} \text{Thể cực 1} \\ \text{Noãn bào bậc 2} \end{cases}$   $\xrightarrow{GPII}$  Trứng (n)

### b. Thụ tinh

- Thụ tinh là sự kết hợp giữa tinh trùng đơn bội (n) và tế bào trứng đơn bội (n) tạo thành hợp tử lưỡng bội (2n)

- Quá trình thụ tinh diễn ra như sau:

+ Tinh trùng đi qua lớp tế bào hạt.

+ Đầu tinh trùng giải phóng enzyme giúp tinh trùng đi qua màng sáng.

+ Tinh trùng gắn vào thụ thể trên màng sinh chất, màng tinh trùng hòa nhập với màng trứng.

+ Nhân tinh trùng xâm nhập vào tế bào trứng và kết hợp với nhân của tế bào trứng.

### c. Phát triển phôi thai

- Giai đoạn phôi: Hợp tử phân bào liên tiếp trong 8 tuần đầu và phân hóa tạo thành mô và các cơ quan.

- Giai đoạn thai: Phôi phát triển và hoàn thiện các cơ quan nhờ được nuôi dưỡng bằng máu mẹ qua nhau thai.

### d. Đẻ con (sinh con)

- Sau khoảng 9 tháng 10 ngày phát triển trong tử cung người mẹ, con sẽ được sinh ra.

- GV kết luận về ưu điểm, hạn chế của mang thai và sinh con ở thú:

+ Ưu điểm: Ở Thú, nguồn cung cấp chất dinh dưỡng và O<sub>2</sub> từ cơ thể mẹ qua nhau thai là rất lớn, đảm bảo cho phôi thai phát triển thuận lợi; ngoài ra, phôi thai phát triển trong bụng mẹ nên được bảo vệ trước tác động của môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, tác nhân gây bệnh như vi khuẩn, virus, nấm...). Ở các động vật đẻ trứng, phôi phát triển nhờ chất dinh dưỡng dự trữ trong trứng mà chất dinh dưỡng dự trữ trong trứng chỉ có giới hạn, ngoài ra trứng nở bên ngoài cơ thể mẹ nên dễ trở thành thức ăn của các động vật khác và chịu tác động của điều kiện môi trường.

+ Nhược điểm: Ở Thú, do cơ thể mẹ cung cấp chất dinh dưỡng cho phôi thai phát triển nên nếu cung cấp không đủ chất dinh dưỡng cho cả cơ thể mẹ và con thì phôi thai phát triển kém, sức sống kém, dễ mắc bệnh. Ngoài ra, do phôi thai tăng dần khối lượng và kích thước nên cơ thể mẹ trở nên nặng nề, di chuyển khó khăn khi đuổi bắt mồi và chạy trốn kẻ săn mồi.

## Hoạt động 3: Luyện tập

### a. Mục tiêu:

- Phân biệt được động vật đơn tính và động vật lưỡng tính

- Chiều hướng tiến hóa trong sinh sản hữu tính ở động vật

**b. Nội dung:** Học sinh hoàn thành PHT số 3 và trả lời hệ thống câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm học tập:** đáp án PHT số 45.2 và câu trả lời của HS.

### d. Tổ chức thực hiện.

| Hoạt động của Giáo viên             | Hoạt động của Học sinh |
|-------------------------------------|------------------------|
| <i>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</i> |                        |

|  |                             |
|--|-----------------------------|
| GV chiếu PHT số 3, gọi học sinh lần lượt lên bảng hoàn thành nội dung PHT số 3<br>GV chiếu lần lượt hình ảnh về chiều hướng tiến hóa sinh sản hữu tính ở động vật<br>- Cơ thể<br>- Hình thức thụ tinh<br>- Hình thức sinh sản<br>Yêu cầu học sinh quan sát và phân tích chiều hướng tiến hóa | Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ |
|--|-----------------------------|

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

|                      |                                       |
|----------------------|---------------------------------------|
| Định hướng, giám sát | - HS thực hiện yêu cầu của giáo viên. |
|----------------------|---------------------------------------|

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

|   |  |
|---|--|
| HS báo cáo sản phẩm PHT số 3 và trả lời chiều hướng tiến hóa trong sinh sản hữu tính ở động vật | - Đại diện nhóm trả lời.<br>- Nhóm khác nghe và bổ sung. |
|---|--|

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

- 1. Chiều hướng tiến hóa trong sinh sản hữu tính ở động vật là**
- Từ cơ quan sinh sản chưa phân hóa đến đã phân hóa: cơ thể động vật lưỡng tính → đơn tính.
  - Từ thụ tinh ngoài phụ thuộc vào môi trường nước đến thụ tinh trong.
  - Từ đẻ trứng đến đẻ con.

**2. Đáp án phiếu học tập số 3:**

| Nội dung               | Động vật đơn tính                    | Động vật lưỡng tính                           |
|------------------------|--------------------------------------|---|
| 1. Đại diện            | Đa số ĐV: thú, cá, lưỡng cư...       | Vài loài giun đốt, đv thân mềm (giun đất, ốc) |
| 2. Đặc điểm nhận biết  | Chỉ có cơ quan sinh sản đực hoặc cái | Có cả cơ quan sinh sản đực và cái             |
| 3. Hình thức giao phối | Thụ tinh chéo                        | Tự thụ tinh<br>Thụ tinh chéo                  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

- Giải thích một số vấn đề thực tiễn.
- Vận dụng kiến thức sinh sản ở động vật vào chăn nuôi.

**b. Nội dung:**

**Câu hỏi 1:** Nghiên cứu những thí nghiệm dưới đây rồi rút ra nhận xét về sự sinh sản của động vật phụ thuộc vào những yếu tố nào của môi trường?

*Thí nghiệm 1:* Hai đàn cá cùng một loài cá chép được nuôi trong hai bể với các điều kiện sống như nhau, chỉ khác nhau về chế độ chiếu sáng: Một bể chế độ chiếu sáng bình thường, còn một bể để ở nơi bóng tối. Sau một thời gian, đến chu kỳ sinh sản thì em dự đoán khả năng sinh sản ở hai đàn cá này như thế nào? Từ đó rút ra nhận xét.

*Thí nghiệm 2:* Cá rô phi Việt Nam có nguồn gốc ở vùng xích đạo, nơi nhiệt độ trung bình là 30<sup>0</sup>C, mỗi năm đẻ 11 lứa và đẻ quanh năm. Nếu nuôi cá ở nhiệt độ 16 – 18<sup>0</sup>C thì điều gì xảy ra? Từ đó rút ra nhận xét.

*Thí nghiệm 3:* Cóc đẻ rộ trong tháng 4, nên khối lượng 2 buồng trứng giảm. Sau đó, nếu được ăn đầy đủ thì đến tháng 10, hai buồng trứng mới phục hồi khối lượng và lại có khả năng sinh sản.

**Câu hỏi 2:** Em hãy phân biệt sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính ở động vật.

**c. Sản phẩm: đáp án của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

| Hoạt động của Giáo viên  | Hoạt động của Học sinh                                   |
|--|--|
| <b>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (giao nhiệm vụ về nhà. )</b>   |  |
| Giáo viên yêu cầu HS trả lời 2 câu hỏi (Câu hỏi 1 và câu hỏi 2)  | Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ                              |
| <b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)</b>  |  |
| Định hướng, giám sát qua zalo.   | - HS thực hiện yêu cầu của giáo viên, ghi đáp án vào vở  |
| <b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b>  |  |
| Kiểm tra bài cũ vào tiết sau.  | - Đại diện nhóm trả lời.<br>- Nhóm khác nghe và bổ sung. |
| <b>Bước 4. Kết luận, nhận định:</b>  |  |
| <p>- <b>Câu hỏi 1:</b> Nêu và giải thích được hiện tượng</p> <p>+ Hệ thần kinh ảnh hưởng lên hoạt động của buồng trứng thông qua tuyến yên. Trong khi đó, môi trường sống gây ảnh hưởng lên hoạt động của buồng trứng gián tiếp qua hệ thần kinh và hệ nội tiết.</p> <p>+ Những thay đổi về nhiệt độ, ánh sáng, thức ăn theo mùa tác động lên hệ thần kinh và hệ nội tiết, qua đó ảnh hưởng đến quá trình sinh trứng và hành vi sinh dục của động vật.</p> |  |
| - <b>Câu hỏi 2:</b>  |  |
| Sinh sản vô tính   | Sinh sản hữu tính  |
| Không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng   | - Có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng                 |
| - Không có sự tổ hợp vật chất di truyền  | - Có sự tổ hợp vật chất di truyền                        |
| - Kém tiến hóa hơn   | - Tiến hóa hơn   |

**TIẾT 3:**

## **II. SINH SẢN HỮU TÍNH Ở ĐỘNG VẬT (tiếp theo)**

**Hoạt động 1: Khởi động: Trò chơi: Bí mật của những mảnh ghép**

**a. Mục tiêu:**

- Kích thích học sinh hứng thú tìm hiểu kiến thức mới; tạo được sự mâu thuẫn kiến thức giữa cái đã biết và cái chưa biết, kích thích tính tò mò tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:**

- HS hoạt động nhóm lớn, chơi trò chơi, quan sát, trả lời nhanh các câu hỏi ẩn chứa trong mỗi mảnh ghép.

**Câu 1:** Quá trình sinh sản hữu tính ở người gồm các giai đoạn?

- A. Hình thành giao tử và thụ tinh
- B. Thụ tinh và phát triển phôi thai.
- C. Hình thành giao tử, thụ tinh, tạo thành hợp tử
- D. Hình thành giao tử, thụ tinh, phát triển phôi thai và đẻ con

**Câu 2:** Một tế bào sinh tinh trùng giảm phân hình thành bao nhiêu tinh trùng?

- A. 1                      B. 2                      C. 4                      D. 8

**Câu 3:** Hiện tượng đẻ trứng thai là

- A. trứng được thụ tinh trong cơ thể mẹ rồi mới đẻ ra ngoài  
B. trứng đẻ ra ngoài rồi mới được thụ tinh.  
C. trứng không thụ tinh vẫn có thể nở thành con non.  
D. trứng được thụ tinh trong cơ thể mẹ và phát triển nhờ noãn hoàng thành con non rồi mới đẻ ra ngoài.

**Câu 4:** Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật?

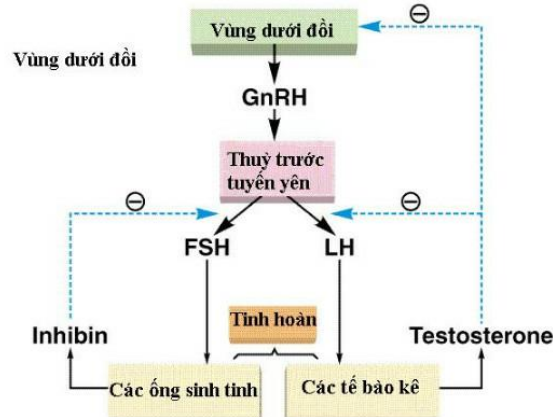
- A. Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá.  
B. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.  
C. Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.  
D. Là hình thức sinh sản phổ biến.

**Câu 5:** Một tế bào sinh trứng giảm phân hình thành bao nhiêu trứng?

- A. 1                      B. 2                      C. 4                      D. 8

**Câu 6:** Thai sinh là hiện tượng .

- A. phôi phát triển trong cơ thể mẹ và được nuôi dưỡng qua nhau thai.  
B. phôi phát triển trong cơ thể mẹ nhờ chất dinh dưỡng của noãn hoàng  
C. phôi phát triển trong trứng và được mẹ ấp.  
D. phôi phát triển trong cơ thể mẹ không qua thụ tinh.



Từ hình ảnh GV dẫn dắt HS vào bài học

### c. Sản phẩm học tập:

Đáp án: 1-D; 2-C; 3-D; 4-B; 5-A; 6-A

Từ chìa khóa: Cơ chế điều hòa sinh tinh trùng.

### d. Tổ chức thực hiện:

#### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bí mật của những mảnh ghép”

- **Luật chơi:** Có 1 bức tranh (ảnh) ẩn dưới 6 mảnh ghép.

+ Mỗi đội có quyền lựa chọn 1 mảnh ghép. Mỗi mảnh ghép tương ứng với 1 câu hỏi. Mỗi câu hỏi HS được suy nghĩ 10 giây. Sau 10 giây đội nào rung chuông nhanh hơn thì sẽ dành được quyền trả lời. Trả lời đúng mảnh ghép sẽ được lật mở. Trả lời sai đội khác khác sẽ có quyền trả lời. Trả lời đúng được 10đ.

+ Đội đoán được từ chìa khóa đội đó được 40đ và phần chơi được dừng lại.

+ Đội đạt nhiều điểm nhất là đội thắng cuộc. Trả lời sai sẽ phải dừng cuộc chơi.

- HS nhận nhiệm vụ

### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chia làm 2 đội, các đội chơi, quan sát, trả lời nhanh

- HS quan sát, thảo luận đưa ra câu trả lời cho câu hỏi dựa trên hiểu biết của mình

**Bước 3: Báo cáo – Thảo luận:** HS trả lời câu hỏi: Những hình ảnh trên có gì khác biệt so với bình thường?

**Bước 4: Kết luận – Nhận định:** GV tuyên bố đội thắng cuộc và dẫn dắt vào nội dung

### **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

### **3. Cơ chế điều hòa sinh sản**

#### **a. Mục tiêu:**

Phân tích được cơ chế điều hòa sinh sản ở động vật.

#### **b. Nội dung:**

GV yêu cầu HS quan sát hình, nghiên cứu SGK thảo luận nhóm để tìm hiểu về cơ chế điều hòa sinh sản.

#### **c. Sản phẩm:**

Phiếu học tập và câu trả lời của HS.

#### **d. Tổ chức thực hiện**

##### **a. Cơ chế điều hòa sinh tinh**

| Hoạt động của giáo viên.  |              | Hoạt động của học sinh.  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
|---|--------------|--|--------------|----------|------|--|--|-----|--|--|----|--|--|------------|--|--|-----------------------|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>   |              |  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| <p>- GV chia lớp thành 6 nhóm</p> <p>- GV chiếu sơ đồ cơ chế điều hòa sinh tinh, hình 27.9.</p> <p>Yêu cầu HS quan sát, hoạt động theo nhóm và hoàn thành PHT số 4.</p> <table border="1"><thead><tr><th>Tên hoocmon</th><th>Nơi sản sinh</th><th>Tác dụng</th></tr></thead><tbody><tr><td>GnRH</td><td></td><td></td></tr><tr><td>FSH</td><td></td><td></td></tr><tr><td>LH</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Testôterôn</td><td></td><td></td></tr></tbody></table> <p>* <b>Cơ chế điều hòa sinh tinh.</b> Thực hiện trong 2 phút</p> <p>+ Điều hòa quá trình sinh tinh khi nồng độ Testosteron thấp.</p> <p>+ Điều hòa quá trình sinh tinh khi nồng độ Testosteron cao.</p> |              | Tên hoocmon  | Nơi sản sinh | Tác dụng | GnRH |  |  | FSH |  |  | LH |  |  | Testôterôn |  |  | HS tiếp nhận nhiệm vụ |
| Tên hoocmon   | Nơi sản sinh | Tác dụng   |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| GnRH  |              |  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| FSH   |              |  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| LH  |              |  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| Testôterôn  |              |  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>   |              |  |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |
| <p>- GV định hướng, giám sát</p>  |              | <p>- HS quan sát sơ đồ và thực hiện yêu cầu của giáo viên: Thảo luận nhóm: Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn:</p> |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |            |  |  |                       |

|  |  |
|--|--|
|  | + Phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên: Thành viên thực hiện ghi vào phiếu cá nhân<br>+ Thảo luận thống nhất và ghi vào bảng nhóm |
|--|--|

**Báo cáo, thảo luận.**

|   |   |
|---|---|
| - Đại diện nhóm 1 báo cáo PHT số 4.<br>- Đại diện nhóm 2 báo cáo: sơ đồ cơ chế điều hòa quá trình sinh tinh khi nồng độ Testosteron thấp.<br>- Đại diện nhóm 3 báo cáo : sơ đồ cơ chế điều hòa quá trình sinh tinh khi nồng độ Testosteron cao. | - Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập của nhóm.<br>- Các nhóm khác lắng nghe, ghi chép, nhận xét và phản biện. |
|---|---|

**Kết luận, nhận định**

|  |   |
|--|---|
| - Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, chính xác hóa các kiến thức. | - HS lắng nghe và ghi chép nội dung kiến thức vào vở. |
|--|---|

**Đáp án PHT số 4**

| Tên hoocmon | Nơi sản sinh              | Tác dụng  |
|-------------|---------------------------|---|
| GnRH        | Vùng dưới đồi             | Kích thích tuyến yên tiết FSH và LH             |
| FSH         | Tuyến yên                 | Kích thích ống sinh tinh sản sinh tinh trùng    |
| LH          | Tuyến yên                 | Kích thích tế bào kẽ tiết ra Testôstêrôn        |
| Testôstêrôn | Tế bào kẽ trong tinh hoàn | Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng |

*b. Cơ chế điều hòa sinh trứng*

| Hoạt động của giáo viên.  | Hoạt động của học sinh. |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |
|---|-------------------------|--------------|----------|------|--|--|-----|--|--|----|--|--|--|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>   |                         |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |
| - GV chiếu cơ chế điều hòa sinh trứng, hình 27.10 và yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ (sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn).<br><b>1. Hoàn thành PHT số 5.</b>  | HS tiếp nhận nhiệm vụ   |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |
| <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên hoocmon</th> <th>Nơi sản sinh</th> <th>Tác dụng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>GnRH</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>FSH</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>LH</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | Tên hoocmon             | Nơi sản sinh | Tác dụng | GnRH |  |  | FSH |  |  | LH |  |  |  |
| Tên hoocmon   | Nơi sản sinh            | Tác dụng     |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |
| GnRH  |                         |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |
| FSH   |                         |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |
| LH  |                         |              |          |      |  |  |     |  |  |    |  |  |  |

|   |               |  |  |
|---|---------------|--|--|
| Östrôgen và progestêrôn.  |               |  |  |
| <p>2. Điền từ một trong các từ sau: tăng, giảm, cao, thấp, ức chế, kích thích vào sơ đồ sau:<br/> + Nếu trứng được thụ tinh→thể vàng tồn tại và duy trì nồng độ Östrogen, progesteron→Östrogen, progesteron...→...vùng dưới đồi...tiết GnRH→...tiết LH và FSH→ngăn cản sự chín và rụng trứng.<br/> + Nếu trứng không được thụ tinh→thể vàng tiêu biến→Östrogen, progesteron...→...vùng dưới đồi...tiết GnRH→...tiết LH và FSH→trứng chín và rụng trứng.</p> |               |  |  |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>   |               |  |  |
| <p>- GV định hướng, giám sát</p>  |               | <p>- HS quan sát sơ đồ và thực hiện yêu cầu của giáo viên: Thảo luận nhóm: Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn:<br/> + Phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên: Thành viên thực hiện ghi vào phiếu cá nhân<br/> + Thảo luận thống nhất và ghi vào bảng nhóm</p> |  |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>  |               |  |  |
| <p>Nhóm 4. Báo cáo PHT.<br/> Nhóm 5,6 trình bày sơ đồ cơ chế điều hòa sinh trứng.</p>   |               | <p>- Đại diện nhóm trả lời.<br/> - Nhóm khác nghe và bổ sung.</p>  |  |
| <b>Kết luận, nhận định</b>  |               |  |  |
| <p>- Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, chính xác hóa các kiến thức.<br/> <b>Đáp án PHT số 5</b></p>   |               | <p>- HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và ghi chép nội dung kiến thức vào vở.</p>  |  |
| Tên hoocmon   | Nơi sản sinh  | Tác dụng   |  |
| GnRH  | Vùng dưới đồi | Kích thích tuyến yên tiết FSH và LH  |  |
| FSH   | Tuyến yên     | Kích thích nang trứng phát triển và tiết ra ostrôgen.  |  |
| LH  | Tuyến yên     | Làm trứng chín, rụng và tạo thể vàng   |  |
| Östrôgen và   | Thể vàng      | Làm niêm mạc tử cung dày lên   |  |

progesteron.  
n.

- GV cho HS quan sát các hình ảnh sau và đặt thêm câu hỏi:

? Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh tinh và sinh trứng?

?



Hươu xạ đực mang tinh dầu trên lưng mình hóa chất đặc biệt giúp hấp dẫn bạn tình. Chim Auklet có thể tỏa mùi hương của các trái cây họ cam quýt. Mùi hương ngọt ngào, thanh mát đó là thứ giúp chúng loài chim này dùng thu hút bạn tình, truyền tín hiệu bằng mùi hương.

? So sánh vai trò của các hormone trong quá trình sinh tinh và sinh trứng?

? Liên hệ ngược có vai trò như thế nào trong điều hòa sinh tinh và sinh trứng?

- GV cung cấp thêm thông tin: Chu kỳ sinh trứng ở một số loài: Chuột 4-5 ngày, thỏ 15-16 ngày, bò 19-21 ngày, lợn 24 ngày, người 28 ngày.

## Kết luận

### 3. Cơ chế điều hòa sinh sản

#### a. Cơ chế điều hòa sinh tinh

+ Khi nồng độ Testosteron thấp → kích thích vùng dưới đồi → tăng tiết GnRH → tăng LH, FSH → tăng Testosteron → tăng sinh tinh.

+ Khi nồng độ Testosteron cao → kích thích vùng dưới đồi → giảm tiết GnRH → giảm LH, FSH → giảm Testosteron → giảm sinh tinh.

### **b. Cơ chế điều hòa sinh trứng**

+ Nếu trứng được thụ tinh → thể vàng tồn tại và duy trì nồng độ Östrogen, progesteron → Östrogen, progesteron **cao** → **ức chế** vùng dưới đồi **giảm** tiết GnRH → **giảm** tiết LH và FSH → ngăn cản sự chín và rụng trứng.

+ Nếu trứng không được thụ tinh → thể vàng tiêu biến → Östrogen, progesteron **giảm** → **kích thích** vùng dưới đồi **tăng** tiết GnRH → **tăng** tiết LH và FSH → trứng chín và rụng trứng.

### **c. Ảnh hưởng của thần kinh và môi trường sống đến quá trình sinh tinh và sinh trứng**

- Căng thẳng thần kinh kéo dài, sợ hãi, lo lắng, buồn phiền → rối loạn sản xuất hormone, làm giảm sản sinh tinh trùng và rối loạn chu kỳ trứng chín và rụng.

- Thiếu ăn, suy dinh dưỡng, chế độ ăn không hợp lý, bệnh béo phì → Rối loạn chuyển hóa vật chất → ảnh hưởng quá trình sinh tinh và sinh trứng.

- Nghiện thuốc lá, rượu, ma túy... → rối loạn chuyển hóa → quá trình trứng chín và rụng, làm giảm sản sinh tinh trùng.

- Sự hiện diện và mùi của con đực tác động lên hệ thần kinh và nội tiết, qua đó ảnh hưởng đến quá trình chín và rụng trứng, hành vi sinh dục của con cái.

- Căng thẳng thần kinh kéo dài

- Thiếu ăn, suy dinh dưỡng, chế độ ăn uống không hợp lí, béo phì.

- Nghiện các chất ma túy, chất kích thích.

- Ít vận động...

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm**

Đáp án: 1: A. 2: A. 3: B. 4: D 5: C

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

**Câu 1:** Khi sử dụng thuốc tránh thai thì có thể tránh được thụ thai vì trong thuốc đã có chứa hoocmôn

A. Östrôgen và prôgestêron. B. FSH. C. LH. D. FSH và LH.

**Câu 2:** Nơi sản sinh các hoocmôn östrôgen và prôgestêron là

A. Thể vàng. B. Vùng dưới đồi. C. Tuyến yên. D. Noãn sơ cấp.

**Câu 3:** Hoocmôn inhibin gây ức chế hoocmôn nào sau đây:

A. LH. B. FSH. C. FSH và LH. D. Testosteron.

**Câu 4:** Nhận định nào là **đúng** khi nói điều hoà sinh tinh và sinh trứng

A. Điều có sự tham của hoocmôn östrôgen và prôgestêron.

B. Điều có sự tham của hoocmôn testosteron.

C. Điều có sự tham của hoocmôn inhibin.

D. Điều thực hiện theo cơ chế liên hệ ngược.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây là **sai**

A. Hoocmôn FSH kích thích sự phát triển của ống sinh tinh.

B. Hoocmôn LH làm noãn chín, gây rụng trứng, tạo thể vàng kích thích thể vàng tiết hoocmôn östrôgen và prôgestêron.

C. Hoocmôn inhibin gây ức chế hoocmôn LH.

D. Hoocmôn testosteron gây ức chế tuyến yên tiết hoocmôn LH.

**HS thực hiện nhiệm vụ.**

HS vận dụng kiến thức bài học vào trả lời câu hỏi.

**Báo cáo và thảo luận:**

SD kĩ thuật tia chớp. Ứng với mỗi câu hỏi trắc nghiệm gọi 1 HS trả lời, 1-3 HS nhận xét.

**Kết luận, nhận định.**

- GV đánh giá khả năng phản biện.
- GV chuẩn hóa đáp án.

**Hoạt động 4: Vận dụng****a. Mục tiêu:**

- Thực hành quan sát được hiện tượng đẻ trứng ở gà trong điều kiện mật độ nuôi, chế độ dinh dưỡng, mùa đến lượng trứng được đẻ ra.
- Giải thích vì sao uống thuốc tránh thai (chứa progesteron + oestrogen) có thể tránh được thai.
- Vận dụng kiến thức sinh sản ở động vật vào chăn nuôi.

**b. Nội dung:**

- HS vận dụng kiến thức bài học để giải thích hiện tượng thực tế.
- Ứng dụng sinh sản ở động vật vào chăn nuôi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

| <b>Hoạt động của Giáo viên</b>   | <b>Hoạt động của Học sinh</b>                                 |
|--|---|
| <b><i>Chuyển giao nhiệm vụ (trên lớp)</i></b>  |   |
| GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:<br>Câu 1. Kể tên các biện pháp làm tăng số lượng trứng gà đẻ trong 1 đợt.<br>Câu 2. Tại sao bây giờ người ta thường tách lợn con sau khi đẻ khoảng 20 ngày ?<br>Câu 3. Ở nữ giới, để tránh thai ngoài ý muốn người ta thường áp dụng những biện pháp nào?<br>Câu 4. Các biện pháp nâng cao sức khỏe sinh sản vị thành niên?   | Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ                                   |
| <b><i>Thực hiện nhiệm vụ (trên lớp/ở nhà)</i></b>  |   |
| Định hướng, giám sát   | - HS thảo luận theo nhóm, viết đáp án ra giấy.                |
| <b><i>Báo cáo, thảo luận</i></b>   |   |
| Tại lớp ( còn thời gian)/ qua zalo ( hết thời gian tiết học).  | - Đại diện nhóm trả lời.<br>- Nhóm khác nghe /xem và bổ sung. |
| <b>Kết luận, nhận định:</b>  |   |
| <b>Câu 1. Các biện pháp làm tăng số lượng trứng gà đẻ trong 1 đợt.</b>   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nuôi với mật độ vừa đủ. cân đối tỉ lệ đực/cái.</li> <li>- Cung cấp đầy đủ các loại thức ăn.</li> </ul> <p>* Người ta còn dùng hormone tiêm vào con cái để kích thích nhiều trứng chín và rụng cùng một lúc. Sau đó các trứng này thụ tinh với các tinh trùng khác nhau cùng 1 thời điểm → tạo ra nhiều hợp tử → nhiều cá thể con cùng một thời điểm. Ví dụ: ở bò, cá.</p> |   |
| <b>Câu 2. Căn cứ vào chu kỳ rụng trứng ở lợn 24 ngày.</b>  |   |

**Câu 3.** Uống thuốc viên tránh thai hằng ngày làm cho nồng độ prôgestêrôn và oestrôgen nhân tạo trong máu cao, gây ức chế lên tuyến yên và vùng dưới đồi. Vùng dưới đồi giảm tiết GnRH, tuyến yên giảm tiết FSH và LH. Do nồng độ các hoocmôn GnRH, FSH và LH giảm nên trứng không chín và không rụng, giúp tránh được mang thai.

**Câu 4:** Các biện pháp nâng cao sức khỏe sinh sản vị thành niên?

- Bảo vệ môi trường sống hạn chế các chất gây ô nhiễm môi trường.
- Cung cấp đầy đủ và cân đối chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- Có chế độ học tập, làm việc, thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe bản thân.
- Có lối sống lành mạnh.

#### **TIẾT 4:**

### **III. ỨNG DỤNG**

#### **Hoạt động 1: Khởi động**

##### **a. Mục tiêu**

- Tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

##### **b. Nội dung**

- **Trò chơi: “Ong tìm chữ”**

##### **c. Sản phẩm**

- Nội dung câu trả lời của HS.

##### **d. Tổ chức thực hiện**

| <b>Hoạt động của giáo viên.</b>  | <b>Hoạt động của học sinh.</b>        |
|--|---------------------------------------|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>  |                                       |
| GV phổ biến luật chơi: Có 4 nhóm tham gia trò chơi:<br>Các nhóm quan sát bảng các chữ cái trên màn hình, sau đó thảo luận và ghi vào giấy các từ, cụm từ nghĩa.<br>Thời gian để quan sát và ghi kết quả ra giấy là 5 phút.<br>- Sau 5 phút, các nhóm báo cáo kết quả, đội nào ghi được nhiều từ, cụm từ đúng sẽ giành chiến thắng. | HS tiếp nhận nhiệm vụ                 |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>  |                                       |
| GV quan sát các nhóm   | HS thảo luận và tìm từ, ghi vào giấy  |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>   |                                       |
| GV chiếu các từ có nghĩa xuất hiện trong bảng chữ cái và đối chiếu với kết quả các nhóm.   | HS quan sát                           |
| <b>Kết luận, nhận định</b>   |                                       |
| GV nhận xét, đánh giá mức độ nghiêm túc và trung thực của HS khi tham gia trò chơi.<br>+ Tổng kết, đánh giá sau khi chơi và dẫn dắt vào nội dung phần III.   | Lắng nghe nhận xét và kết luận của GV |

**TRÒ CHƠI:  
“ÔNG TÌM CHỮ”**

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | T | R | E | A | M | Ô | S | E | O | P | O | B | D |
| H | Ê | T | I | P | G | E | L | V | C | Q | X | D | A |
| T | Ơ | M | T | H | U | T | I | N | H | T | E | X | C |
| K | A | P | T | S | C | Y | G | J | K | K | S | Ô | X |
| M | O | Q | T | A | R | Ô | Y | G | K | É | B | N | Q |
| S | S | R | Q | U | D | L | N | O | M | H | H | G | S |
| E | I | T | D | Q | H | B | A | G | T | O | A | N | A |
| R | N | U | Ô | I | C | Â | Y | O | N | A | T | G | T |
| Q | H | Y | V | P | V | E | T | H | M | C | P | H | I |
| S | I | N | H | S | A | N | S | X | N | H | H | I | O |
| V | Ư | O | P | H | Ô | I | I | N | H | D | Â | Ê | P |
| U | Ớ | P | K | N | B | A | E | Q | X | Z | N | M | U |
| C | N | E | L | H | O | O | C | M | Ô | N | S | D | R |
| X | G | H | A | R | M | Ô | N | E | A | P | G | R | E |

**TRÒ CHƠI:  
“ÔNG TÌM CHỮ”**

1. HỢP TỬ
2. THỤ TINH
3. NUÔI CÂY
4. SINH SẢN
5. PHÔI
6. HOOCMÔN
7. KẾ HOẠCH
8. ỚNG NGHIỆM

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | T | R | E | A | M | Ô | S | E | O | P | O | B | D |
| H | Ê | T | I | P | G | E | L | V | C | Q | X | D | A |
| T | Ơ | M | T | H | U | T | I | N | H | T | E | X | C |
| K | A | P | T | S | C | Y | G | J | K | K | S | Ô | X |
| M | O | Q | T | A | R | Ô | Y | G | K | É | B | N | Q |
| S | S | R | Q | U | D | L | N | O | M | H | H | G | S |
| E | I | T | D | Q | H | B | A | G | T | O | R | N | A |
| R | N | U | Ô | I | C | Â | Y | O | N | A | T | G | T |
| Q | H | Y | V | P | V | E | T | H | M | C | P | H | I |
| S | I | N | H | S | A | N | S | X | N | H | H | I | O |
| V | Ư | O | P | H | Ô | I | I | N | H | D | Â | Ê | P |
| U | Ớ | P | K | N | B | A | E | Q | X | Z | N | M | U |
| C | N | E | L | H | O | O | C | M | Ô | N | S | D | R |
| X | G | H | A | R | M | Ô | N | E | A | P | G | R | E |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu ứng dụng**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được một số ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật và sinh đẻ có kế hoạch ở người.
- Nêu được một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm.
- Trình bày được biện pháp tránh thai.

**b. Nội dung**

\* Nội dung 1,2,3: GV yêu cầu HS quan sát hình, nghiên cứu SGK thảo luận nhóm để tìm hiểu về một số ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật; một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm

\* Nội dung 4: GV yêu cầu HS sắm vai đã chuẩn bị theo phân công trước 1 tuần; các nhóm thảo luận và hoàn thành PHT để tìm hiểu về các biện pháp tránh thai và cơ chế tác động.

- + Nhóm 1: Hoá thân thành bao cao su
- + Nhóm 2: Hoá thân thành thuốc tránh thai
- + Nhóm 3: Hoá thân thành dụng cụ tử cung
- + Nhóm 4: Mũ tử cung
- + Nhóm 5: Thuốc diệt tinh trùng

+ Nhóm 6: Bác sĩ của trạm y tế xã.

**c. Sản phẩm:**

- Kể tên được một số ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật; một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm
- Phân hoá thân của các nhóm thể hiện được tên biện pháp tránh thai, cơ chế tác động, nhưng ưu điểm và hạn chế. Phiếu học tập và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Nội dung 1: Một số biện pháp thay đổi số con, điều khiển giới tính và một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm.**

| Hoạt động của giáo viên.   | Hoạt động của học sinh.  |
|--|--|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b>  |  |
| - GV chiếu nhanh các hình ảnh minh hoạ cho một số biện pháp thay đổi số con, thay đổi giới tính và thành tựu. Yêu cầu HS quan sát và kể tên được những biện pháp xuất hiện trên màn hình, sau đó đọc SGK để tìm hiểu đặc điểm của biện pháp đó   | - HS lắng nghe và nhận nhiệm vụ  |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>  |  |
| - GV giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ của HS  | - HS quan sát và hoàn thành yêu cầu                                    |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>   |  |
| - GV tổ chức cho HS phát biểu  | - HS nêu ý kiến<br>- Các HS khác lắng nghe, ghi chép, phản biện.       |
| <b>Kết luận, nhận định</b>   |  |
| - Giáo viên nhận xét câu trả lời của HS chiếu đáp án để chính xác hóa các kiến thức và đặt các câu hỏi mở rộng:<br>+ Thay đổi số con và thay đổi giới tính có ý nghĩa như nào trong chăn nuôi?<br>+ Thụ tinh trong ống nghiệm giải quyết vấn đề gì trong sinh sản ở động vật và người? | - HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và ghi chép nội dung kiến thức vào vở. |

**Kết luận:**

| Biện pháp                                    |                          | Đặc điểm  |
|--|--------------------------|---|
| <b>1. Một số biện pháp điều khiển số con</b> | <b>Thụ tinh nhân tạo</b> | - Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích tổng hợp→ điều khiển trứng chín và rụng theo ý muốn sau đó thụ tinh nhân tạo.<br><br>+ Thụ tinh nhân tạo bên ngoài cơ thể<br><br>+ Thụ tinh nhân tạo bên trong cơ thể<br><br>→Tăng hiệu quả thụ tinh |

|  |                                   |   |
|--|-----------------------------------|---|
|  | <b>Thay đổi yếu tố môi trường</b> | VD thay đổi chế độ chiếu sáng cho gà → tăng số lượng trứng.   |
|  | <b>Nuôi cấy phôi</b>              | Tạo ra số lượng và chất lượng con theo ý muốn.  |
| <b>2. Một số biện pháp điều khiển giới tính</b>      |                                   | <p>- Mục đích: Điều khiển giới tính động vật theo hướng đực hay cái → tăng năng suất chăn nuôi</p> <p>- Cách tiến hành:</p> <p>+ Sử dụng các biện pháp kỹ thuật như lọc, li tâm, điện di để tách tinh trùng thành 2 loại. Tùy theo nhu cầu về đực hay cái để chọn ra một loại tinh trùng cho thụ tinh với trứng.</p> <p>+ Nuôi cá rô phi bột bằng 17 – mêtylttestostêrôn kèm vitamin C sẽ tạo ra 90% cá rô phi đực.</p> |
| <b>3. Một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm</b> |                                   | <p>- Là phương pháp hỗ trợ sinh sản, sử dụng cho điều trị hiếm muộn.</p> <p>- Là phương pháp cho trứng và tinh trùng thụ tinh trong ống nghiệm để tạo ra phôi, sau đó phôi sẽ được chuyển vào buồng tử cung của phụ nữ để làm tổ và phát triển thành thai nhi.</p>  |

**\* Nội dung 4: Một số biện pháp tránh thai**

| <b>Hoạt động của giáo viên.</b>  | <b>Hoạt động của học sinh.</b>   |
|--|--|
| <b>Chuyên giao nhiệm vụ</b>  |  |
| <p>- GV chia lớp thành 6 nhóm học tập, các nhóm chuẩn bị trước ở nhà các nội dung theo phân công sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Hoá thân thành bao cao su</p> <p>+ Nhóm 2: Hoá thân thành thuốc tránh thai</p> <p>+ Nhóm 3: Hoá thân thành dụng cụ tử cung</p> <p>+ Nhóm 4: Hoá thân thành Mũ tử cung</p> <p>+ Nhóm 5: Hoá thân thành Thuốc diệt tinh trùng</p> <p>+ Nhóm 6: Bác sĩ của trạm y tế xã.</p> <p>- GV phát PHT số 2</p> | <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p>   |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ</b>  |  |
| <p>- GV theo dõi, chỉnh sửa kịch bản cho đúng khoa học.</p>  | <p>- Các nhóm nhận nhiệm vụ, phân công công việc và viết kịch bản, chuẩn bị hoá trang, tập diễn.</p> |
| <b>Báo cáo, thảo luận.</b>   |  |

|  |  |
|--|--|
| <p>- GV tổ chức cho đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập của nhóm thông qua tổ chức cuộc thi: “Người bảo vệ thầm lặng”.</p> <p>- GV phát cho mỗi nhóm 1 PHT 2 “ Tìm hiểu các biện pháp tránh thai”. Yêu cầu HS xem tiểu phẩm và kết hợp đọc SGK và hoàn thành phiếu.</p> | <p>- Đại diện các nhóm đóng vai</p> <p>- Các nhóm khác lắng nghe, hoàn thành phiếu, phản biện.</p> |
| <b>Kết luận, nhận định</b>   |  |
| <p>- Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, chính xác hóa các kiến thức và đặt các câu hỏi mở rộng.</p>   | <p>- HS lắng nghe, trả lời câu hỏi và ghi chép nội dung kiến thức vào vở.</p>                      |

**PHT số 2: “ Các biện pháp tránh thai và cơ chế tác dụng”**

| <b>STT</b> | <b>Biện pháp</b> | <b>Cơ chế tác dụng</b> |
|------------|------------------|------------------------|
| 1          |                  |                        |
| 2          |                  |                        |
| 3          |                  |                        |
| 4          |                  |                        |
| 5          |                  |                        |
| 6          |                  |                        |
| 7          |                  |                        |
| 8          |                  |                        |
| 9          |                  |                        |
| 10         |                  |                        |

**Đáp án PHT số 2:**

**PHT số 2: “ Các biện pháp tránh thai và cơ chế tác dụng”**

| <b>STT</b> | <b>Biện pháp</b>            | <b>Cơ chế tác dụng</b>   |
|------------|-----------------------------|--|
| 1          | <b>Bao cao su</b>           | Ngăn cho dịch và tinh dịch của người đàn ông xâm nhập vào bên trong tử cung của người phụ nữ   |
| 2          | <b>Tiêm tránh thai</b>      | Thuốc tiêm/ uống tránh thai làm ức chế rụng trứng 100%, đồng thời ức chế tiết chất nhầy ở cổ tử cung rất mạnh làm cho tinh trùng không xâm nhập được vào buồng tử cung |
| 3          | <b>Viên uống tránh thai</b> |  |

|    |  |  |
|----|--|--|
| 4  | <b>Que cấy tránh thai</b>                | Que tránh thai là một thanh nhựa nhỏ có chứa nội tiết, que sẽ được cấy ở dưới da cánh tay.<br><br>Cơ chế tác dụng như thuốc tránh thai.  |
| 5  | <b>Miếng dán tránh thai</b>              | Miếng dán tránh thai là dạng thuốc hấp thụ qua da, được dán trực tiếp lên da và giải phóng liên tục hormone giúp ngăn ngừa có thai nhờ ngăn rụng trứng.  |
| 6  | <b>Dụng cụ tử cung (vòng tránh thai)</b> | Là một dụng cụ nhỏ (thường có hình chữ T) được đặt vào lòng tử cung của phụ nữ. Cơ chế tác dụng chính của vòng tránh thai là làm thay đổi về cấu trúc sinh hóa tế bào nội mạc, từ đó, không tạo điều kiện thuận lợi để trứng đã được thụ tinh (hợp tử) làm tổ trong tử cung.   |
| 7  | <b>Tính vòng kinh</b>                    | Đây là một phương pháp tránh thai tự nhiên, dành cho phụ nữ có kinh nguyệt đều đặn mỗi tháng từ 28-32 ngày. Phương pháp này dựa theo cơ chế phóng noãn của trứng và thời gian sống của trứng sau khi rụng. Thông thường, trứng sau khi rụng chỉ sống được khoảng 12h nếu không được thụ tinh sẽ chết. Tinh trùng có thể sống trong tử cung được 2-5 ngày. Vì vậy xác định được ngày phóng noãn sẽ giúp bạn chủ động trong việc tránh thai. |
| 8  | <b>Mũ tử cung</b>                        | Mũ cổ tử cung là một dụng cụ tránh thai bằng cách ngăn tinh trùng xâm nhập vào tử cung.<br><br>Đây là một cốc silicon sâu, có thể tái sử dụng được sau mỗi lần đưa vào âm đạo, đặt ôm khít cổ tử cung trước khi hoạt động tình dục. Mũ cổ tử cung được giữ cố định tại vị trí này trong suốt quá trình quan hệ nhờ vào lực hút và có dây đeo để giúp tháo ra khi kết thúc.   |
| 9  | <b>Thuốc diệt tinh trùng</b>             | Là một chế phẩm hóa học, được đặt vào âm hộ người phụ nữ trước khi bắt đầu quan hệ tình dục.   |
| 10 | ...                                      |  |

### Hoạt động 3: Luyện tập

#### a. Mục tiêu

- Củng cố kiến thức đã học.

#### b. Nội dung

- Hs cả lớp tham gia trò chơi “Ô chữ”

- HS tái hiện kiến thức đã học tìm các từ khoá thích hợp với ô chữ

#### c. Sản phẩm

- Các từ khoá trong ô chữ

#### d. Tiến trình hoạt động





c. Sản phẩm: poster hoặc infographic của các nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

| Hoạt động của Giáo viên  | Hoạt động của Học sinh  |
|--|---|
| <b>Chuyển giao nhiệm vụ (trên lớp)</b>   |   |
| Thiết kế poster hoặc infographic để tuyên truyền các biện pháp tránh thai, tránh nạo phá thai ở tuổi vị thành niên<br>1. Nội dung tuyên truyền:<br>+ Các biện pháp tránh thai mà tuổi vị thành niên không nên sử dụng.<br>+ Hậu quả và nguy cơ nạo phá thai ở tuổi vị thành niên<br>2. Thiết kế poster hoặc infographic:<br>Gợi ý 1: Poster đưa ra lời cảnh báo trẻ vị thành niên không nên dùng các biện pháp tránh thai sau: thuốc uống tránh thai, viên tránh thai khẩn cấp, triệt sản, dụng cụ tử cung. Sử dụng hình minh họa cho các biện pháp tránh thai trên và dung dầu gạch chéo màu đỏ giữa hình.<br>Gợi ý 2: infographic liệt kê hậu quả và nguy cơ của nạo phá thai ở tuổi vị thành niên.<br>3. Thời gian hoàn thành: 1 tuần ngoài giờ trên lớp. | Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ   |
| <b>Thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)</b>  |   |
| Định hướng, giám sát, khuyến khích sự sáng tạo của HS.   | - HS hoạt động nhóm để thiết kế các poster hoặc infographic theo gợi ý của GV hoặc sáng tạo theo cách khác. |
| <b>Báo cáo, thảo luận</b>  |   |
| GV đôn đốc HS hoàn thành đúng thời gian quy định.<br>Phân công các nhóm chấm chéo sản phẩm theo tiêu chí chung.  | Các nhóm đưa sản phẩm lên zalo hoặc đăng trên padlet (Sau 1 tuần)   |
| <b>Kết luận, nhận định</b>   |   |
| GV đánh giá hoạt động nhóm, cho điểm.  | HS chú ý lắng nghe và phản biện (nếu có)  |

### PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Nhóm:.....

| STT | Tiêu chí đánh giá                           | Mức độ 1<br>(1 điểm) | Mức độ 2<br>(1,5 điểm) | Mức độ 3<br>(2 điểm) |
|-----|---|----------------------|------------------------|----------------------|
| 1   | Nội dung tuyên truyền có ý nghĩa thiết thực |                      |                        |                      |

|   |                             |  |  |  |
|---|-----------------------------|--|--|--|
| 2 | Nội dung đa dạng, phong phú |  |  |  |
| 3 | Sản phẩm đẹp                |  |  |  |
| 4 | Sản phẩm trình bày sáng tạo |  |  |  |
| 5 | Nộp sản phẩm đúng kế hoạch  |  |  |  |